

QUAN HỆ QUỐC TẾ**QUAN HỆ GIỮA
MỸ, EU, NHẬT BẢN VỚI NGA**

TS. Vũ Đăng Hình
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Nước Nga hiện tại không còn có sức mạnh to lớn như Liên Xô trước đây, song vẫn là một cường quốc trên thế giới. Mối quan hệ của các trung tâm tư bản phát triển và Nga, mà trước hết là mối quan hệ Mỹ-Nga vẫn là mối quan hệ có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống thế giới. Kể từ khi kết thúc Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các trung tâm tư bản phát triển và Nga đã có những thay đổi căn bản và biến đổi không ngừng.

1. Quan hệ đã chuyển từ trạng thái đối đầu sang hướng hợp tác

Một đặc điểm dễ nhận thấy trong mối quan hệ giữa các trung tâm tư bản phát triển và Nga kể từ sau Chiến tranh lạnh là sự đối đầu giữa hai kiểu chế độ đã không còn và sự hợp tác nhiều mặt đã không ngừng được mở rộng, mặc dù sự hợp tác này còn lắm chông gai. Trong lĩnh vực kinh tế, trao đổi buôn bán, đầu tư vào Nga, viện trợ kinh tế kỹ thuật đều tăng. Trong lĩnh vực quân sự, Nga và NATO cũng đã thiết lập được cơ chế hợp tác. Gần đây nhất trong cuộc chiến chống khủng bố, Mỹ cũng nhận được sự ủng hộ tích cực của Nga.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu vũ trụ cũng có sự hợp tác tích cực. Trạm vũ trụ Hoà bình chính là biểu hiện rõ nhất của mối quan hệ này. Ngoài những lĩnh vực trên, các quan hệ về giao lưu văn hoá, du lịch cũng được mở rộng. Như vậy mối quan hệ này đã thực sự mang kiểu quan hệ giữa các nước tư bản. Sự chuyển hướng và phát triển theo hướng hợp tác giữa các nước tư bản phát triển và Nga không phải là điều khó hiểu, bởi trong mối quan hệ này đã mất đi nhân tố khác biệt gây đối đầu và xuất hiện những nhân tố thúc đẩy hợp tác. Những nhân tố khác biệt cơ bản gây đối đầu chính là sự trái ngược của hai hệ tư tưởng, hai lý thuyết xã hội và hai chế độ xã hội khác hẳn nhau. Sự khác biệt này gây cản trở mạnh mẽ quan hệ, bởi chúng không chỉ thể hiện những đặc tính khác nhau của hai hệ thống mà nó gián tiếp tác động phá vỡ thể chế, hệ thống đối lập. Tuy nhiên, để mở rộng quan hệ, những tiền đề thuận lợi vẫn còn chưa đủ, mà còn cần có những nhận thức đầy đủ và tác động chủ quan của cả hai phía. Do những tính toán khác nhau từ góc độ lợi ích riêng, trong mấy năm qua cả hai bên đều có

những tác động tích cực mở rộng những mối quan hệ này.

Về phía các nước tư bản, đứng đầu là Mỹ, mong muốn nước Nga và cả các nước xã hội chủ nghĩa khác chuyển đổi chế độ không chỉ thay đổi lựa chọn con đường phát triển tư bản mà còn cần nhanh chóng tạo ra nền tảng xã hội, nền tảng pháp lý và những lực lượng đủ mạnh để không phục hồi lại chế độ xã hội cũ. Điều này không những đảm bảo định hướng mới ở những nước này không thay đổi, mà còn tạo điều kiện cho những hoạt động kinh doanh tư bản của chính các công ty của họ được an toàn và sinh lợi. Chính từ tính toán như thế mà ngay sau khi Liên Xô sụp đổ, Chính phủ Mỹ đã tăng cường viện trợ cho Nga và các nước Đông Âu thực hiện nhanh sự chuyển hướng này. Quốc hội Mỹ cũng không giấu giếm mục tiêu viện trợ cho Nga bằng tuyên bố rằng “mục đích viện trợ cho Nga là nhằm tăng cường... nền dân chủ và những cải cách thị trường tự do sẽ được xác lập và bền vững”⁽¹⁾. Cùng với viện trợ để phá huỷ vũ khí hạt nhân và trang bị quân sự, các khoản viện trợ dành cho những cải cách nền kinh tế kế hoạch và thiết lập nền kinh tế thị trường như xây dựng thể chế kinh tế mới, hỗ trợ đào tạo quản lý kinh tế thị trường, hỗ trợ tư nhân hoá thành phần kinh tế nhà nước... cũng đã được triển khai. Đồng thời với những viện trợ để cải cách, các chính phủ phương Tây cũng bắt đầu mở rộng những hoạt động kinh doanh với các đối tác Nga và đầu tư vào chính nước Nga.

Về phía Nga, đó là mong muốn dựa vào phương Tây, tất nhiên trước hết là Mỹ và các nước tư bản phát triển để phục hưng nền kinh tế. Mong muốn này xuất phát từ tình hình kinh tế rất khó khăn của Nga sau khi Liên Xô sụp đổ. Khi trở thành một quốc gia

độc lập, nước Nga bị mất những những mối liên kết kinh tế bình thường trong Liên bang Xô viết trước đây, sản xuất của nhiều đơn vị kinh tế bị ngưng trệ, hoặc kém hiệu quả, thu ngân sách thấp, thất nghiệp tăng, nhiều công nghệ lạc hậu so với phương Tây, kinh nghiệm vận hành nền kinh tế tư bản, đặc biệt là nền kinh tế kiểu tư bản hiện đại chưa có... Tất cả những khó khăn chồng chất này đã đẩy những người cầm quyền nước Nga khi đó hướng tới phương Tây, tin tưởng vào phương Tây và tìm cách nhận viện trợ và đón nhận sự có mặt của phương Tây trong đời sống xã hội của mình. Chính sự gặp gỡ của hai phía cho dù những tính toán rất khác nhau đã đưa mối quan hệ này theo hướng hợp tác và mở rộng.

Bên cạnh những nhân tố trên, sự hợp tác giữa các nước tư bản phát triển và Nga còn do sự tạm yên lòng của các nước phương Tây đứng đầu là Mỹ về thế và lực của Nga trên trường quốc tế. Mặc dù vẫn còn là một cường quốc quân sự, song với tổng sản phẩm quốc dân chỉ bằng khoảng 1/20 của Mỹ, lại đang gặp rất nhiều khó khăn, nên trong vài ba thập kỷ tới Nga chưa thể trở thành một đối thủ cạnh tranh đáng gờm của các quốc gia này. Vì vậy, việc mở rộng quan hệ với Nga cũng không gặp khó khăn nhiều.

Mặc dù quan hệ giữa hai bên đã chuyển sang hướng hợp tác, song những khác biệt về lợi ích vẫn còn nhiều, nên mối quan hệ này vẫn không mang tính ổn định, đặc biệt là mối quan hệ Nga-Mỹ. Chúng ta có thể thấy ở đặc điểm thứ hai.

2. Quan hệ không ổn định, nhiều bất đồng đang tồn tại

Trong quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các quốc gia thường ở nhiều

cấp độ khác nhau. Ba cấp độ dễ nhận thấy nhất là: quan hệ đồng minh (với mức độ liên minh khác nhau), quan hệ bình thường, và quan hệ thù địch. Ba cấp quan hệ này được xác định bởi một hay nhiều tiêu chí phụ thuộc vào mỗi quốc gia và lực lượng cầm quyền trong mỗi giai đoạn. Các cấp quan hệ này cũng thường được thay đổi khi tình hình chính trị của một trong hai phía có những thay đổi lớn hay thay đổi cơ bản. Trong cả ba cấp quan hệ này không phải bao giờ cũng ổn định như được xác định ở cấp nào đó. Tuy nhiên, về căn bản những sự bất ổn định này vẫn không làm thay đổi cấp quan hệ. Nội dung không ổn định ở đây mà chúng tôi muốn nói tới trong quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và Nga lại là những yếu tố có khả năng làm chuyển cấp quan hệ đang được xác định giữa hai phía.

Quan hệ không ổn định giữa các nước tư bản phát triển và Nga được biểu hiện qua cách ứng xử rất khác nhau ở nhiều sự kiện cũng như sự tăng cường hay giảm bớt các hoạt động trao đổi. Nếu như ngay sau khi nước Nga tuyên bố độc lập và quyết định trở lại con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và Nga trở lên nóng ấm, thì chỉ sau ít năm khi NATO tuyên bố kế hoạch mở rộng sang phía đông, quan hệ giữa hai bên lại có nguy cơ trở lại đối đầu. Quan hệ giữa Nga và NATO cũng đầy căng thẳng và nghi kỵ khi hai bên không những có quan điểm và cách giải quyết khác nhau, mà còn có những hành động cụ thể để ủng hộ hai phía đối lập nhau trong cuộc nội chiến ở Nam Tư cũ. Vấn đề Chechnya giữa Nga và hầu hết các nước phương Tây cũng có quan điểm trái ngược. Thêm nữa, khi Tổng thống Clinton còn cầm quyền,

chính phủ này dù còn nhiều khác biệt với Nga, song vẫn coi Nga là đối tác, nhưng khi Bush lên cầm quyền lập tức coi Nga là kẻ thù tiềm tàng... Với những nhận thức về nhau như vậy, nên những hoạt động hợp tác và trao đổi cũng không ổn định.

Tuy nhiên chúng tôi cũng phải nói thêm rằng tính không ổn định này giữa Nga và từng nước phương Tây lại ở mức độ rất khác nhau do những tác động của những nhân tố rất khác nhau.

Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản đều là ba trung tâm tư bản song lại có những điều kiện rất khác nhau, những tính toán rất khác nhau trong quan hệ quốc tế, nên quan hệ giữa họ và Nga cũng ở mức độ rất khác nhau ở cả hai mặt hợp tác và xung đột. Trong ba mối quan hệ này, quan hệ Mỹ-Nga luôn là mối quan hệ không ổn định nhất so với hai mối quan hệ còn lại. Nếu như sau Chiến tranh lạnh, Mỹ đã xếp Nga vào diện đối tác và là nước nhanh chóng viện trợ cho Nga với viện trợ nhiều nhất, thì chỉ sau một thời gian Mỹ lại xem Nga là một đối thủ tiềm tàng. Khi cuộc chiến tranh Iraq nổ ra có người dự báo rằng mối quan hệ này có thể đi đến đổ vỡ. Trang tin điện tử "Strana.ru" của Nga ra vào cuối tháng 3/2003 khi bàn về vị thế của Nga trong quan hệ quốc tế đã nhận xét "tuần trăng mật của Nga-Mỹ đã kết thúc. Lý do trực tiếp là Tổng thống Mỹ đã cáo buộc Nga cung cấp bất hợp pháp trang thiết bị quân sự bị cấm cho Iraq". Báo này tiếp tục nhận xét: quan hệ đối tác Mỹ-Nga mà mục tiêu là cuộc chiến chống khủng bố quốc tế không còn nữa. Sau khi chia bàn tay thân thiện cho Washington, Matxcova đã lạnh nhạt bày tỏ ý định chấm dứt quan hệ ngoại giao, kinh tế và nhiều mối quan hệ khác với Mỹ.⁽²⁾

Mối quan hệ này mặc dù không mang tính đối đầu như thời kỳ chiến tranh lạnh, song lại không ổn định nhất. Điều này có thể giải thích bằng những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, sự đưng độ ở những tính toán chiến lược.

Sau cuộc chạy đua lâu dài và tốn kém của thời Chiến tranh lạnh, rút cuộc Mỹ đã giành chiến thắng và trở thành siêu cường duy nhất. Thế giới tạm thời không còn một lực lượng cản trở nào đối với Mỹ trên con đường thiết lập một thế giới đơn cực, hay thế giới do Mỹ lãnh đạo. Thực tế này đã khuyến khích Mỹ xây dựng một chiến lược mới và lựa chọn cách thực hiện mới nhằm đạt tới mục tiêu này. Vì vậy ngoài việc duy trì sự lãnh đạo đối với những địa bàn của Mỹ trước đây, Mỹ bắt đầu thiết lập sự chi phối tại những lãnh địa mới trước đây nằm dưới sự ảnh hưởng của Liên Xô như: các nước thuộc Liên Xô cũ, các nước Trung Đông có quan hệ gần gũi với Liên Xô, các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa ở châu Á, châu Phi, Mỹ La tinh. Ngược lại Nga với không gian an ninh quân sự, không gian an ninh kinh tế và uy tín của nước lớn, đặc biệt là người thừa kế một siêu cường lại muốn bằng mọi cách bảo vệ vùng ảnh hưởng của mình. Sự khác biệt mang tính trái ngược này đã làm cho hai bên bất đồng ở nhiều vấn đề lớn như sự bất đồng về kế hoạch mở rộng NATO sang phía Đông, sự không hài lòng của Nga về hợp tác quân sự của Mỹ với một vài nước trong cộng đồng các quốc gia độc lập, sự có mặt quân sự của Mỹ tại Trung Á. Những bất đồng có thể ngày càng mạnh mẽ nếu Mỹ đẩy mạnh hơn hoạt động liên kết hoặc giành quyền kiểm soát những vùng đã từng là ảnh hưởng của Nga.

Thứ hai, bất đồng trong nhiều vấn đề cụ thể.

Vấn đề đầu tiên là Nga bán vũ khí cho những nước mà Mỹ coi là không thân thiện với Mỹ. Mặc dù tiềm năng kinh tế Nga hiện tại không bằng 1/20 của Mỹ (tính theo tổng sản phẩm quốc dân), song tiềm năng quân sự của Nga còn rất lớn. Do tình hình kinh tế không mấy thuận lợi nên việc xuất khẩu vũ khí được đẩy mạnh, thậm chí số vũ khí của nhiều công ty sản xuất ra phân nhiều để xuất khẩu. Ví dụ, theo báo "*Sự thật thanh niên*" (Nga), nước Nga đã chiếm vị trí thứ hai trong xuất khẩu vũ khí nếu tính theo số lượng. Năm 2001 kim ngạch xuất khẩu vũ khí của Nga đã đạt 4,3 tỷ USD, và năm 2002 có thể lên tới 5,5 tỷ USD. Các xí nghiệp lớn của Tổ hợp công nghiệp quốc phòng Nga đã dành phần lớn sản phẩm của mình cho xuất khẩu. Ví dụ, xí nghiệp "Severnaia Verf" xuất khẩu 95,1% sản phẩm; hãng "Antei" 99%; xí nghiệp công nghiệp hàng không Irkutsk 97%; nhà máy Bantic 79,1%, tập đoàn "Mig" 90%; nhà máy sản xuất trực thăng Kazan 89%.⁽³⁾

Việc Nga bán vũ khí cho những nước mà Mỹ chưa chi phối được Mỹ xem như một hành động cản trở việc thực hiện mục tiêu chiến lược thiết lập sự lãnh đạo của Mỹ trên toàn thế giới.

Vấn đề nổi cộm thứ hai là Nga luôn luôn phản đối chủ nghĩa đơn cực của Mỹ và ủng hộ một thế giới đa cực và tạo ra những liên minh chống đơn cực. Trong mọi diễn đàn quốc tế, Nga, Trung Quốc và một số nước phương Tây khác luôn lên tiếng phản đối việc xây dựng một trật tự thế giới đơn cực, hay một trật tự thế giới do Mỹ lãnh đạo. Cùng với những tuyên bố phản đối như vậy, Nga cũng đã có những bước đi thực tế nhằm tạo ra những

liên minh có sức mạnh lớn hơn để chống lại sức ép áp đặt trong các mối quan hệ song phương với Mỹ. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải gồm Nga, Trung Quốc và một số nước châu Á chính là một cố gắng lớn nhất theo hướng đi này. Bên cạnh liên minh đã có những bước đi ban đầu này, Nga cũng đang cố gắng xây dựng một liên minh có quy mô lớn hơn đó là liên minh Nga - Trung Quốc - Ấn Độ. Ý tưởng này cũng đã được triển khai bằng những bước thăm dò ngoại giao. Gần đây nhất là vấn đề có liên quan đến Iraq. Nga cũng đã có liên minh với Pháp và Đức tuyên bố chống sử dụng phương pháp quân sự để giải giáp vũ khí Iraq. Đây cũng là một hành động nữa chống lại vai trò quyết định của Mỹ đối với một vấn đề quốc tế quan trọng.

Như vậy, sự bất đồng mang tính nước lớn này sẽ tồn tại thường xuyên và lâu dài trong mối quan hệ Nga-Mỹ. Một khi nước Nga chấn hưng thành công và tiềm năng ngày càng mạnh lên thì sự bất đồng này càng có nguy cơ tăng hơn.

Thứ ba, những va chạm về lợi ích kinh tế ở nơi này nơi khác giữa Nga và Mỹ cũng đã nổi lên.

Điển hình ở đây là thị trường Iraq. Trước hết đây là thị trường mà Nga đã bán được rất nhiều vũ khí, lợi ích kinh tế là rất lớn. Không kể các công ty sản xuất vũ khí giành được nhiều hợp đồng mà các công ty dầu khí Nga cũng được những hợp đồng khai thác lớn sau khi Iraq được Liên Hiệp Quốc dỡ bỏ lệnh cấm vận. Việc tồn tại của chính phủ Saddam Hussein là một điều kiện thuận lợi cho Nga không những cho vấn đề xuất khẩu và đầu tư mà còn cả vấn đề thu nợ. Song việc tồn tại của chính phủ này lại là một cản trở cho những công ty dầu mỏ của Mỹ, vì sau cuộc chiến tranh Vùng

Vịnh 1991 các công ty Mỹ đã mất chỗ đứng tại đây. Lợi ích kinh tế trái ngược trên địa bàn này đã khiến hai nước bất đồng về cách giải quyết vấn đề Iraq. Mỹ đã không nhận được sự ủng hộ của Nga tại Hội đồng Bảo an về giải pháp quân sự mặc dù đã có hứa hẹn chia phần cho Nga sau cuộc chiến. Trong tình thế thiếu sự ủng hộ của Nga và các nước trong Hội đồng Bảo an khác, Mỹ đành phải thành lập một liên minh chiến tranh và tiến hành cuộc chiến không hợp pháp.

Những va chạm về lợi ích kinh tế chắc chắn sẽ còn mở rộng nhiều khi nền kinh tế Nga phục hưng và nhiều công ty Nga lớn mạnh vươn ra thị trường thế giới.

Quan hệ châu Âu và Nga từ sau Chiến tranh lạnh cũng đã chuyển từ đối đầu sang hợp tác. Mặc dù có không ít những trục trặc song mối quan hệ này có mức độ dao động ít hơn so với mối quan hệ Mỹ- Nga.

Điểm khởi đầu của quá trình này là Liên Xô rút quân khỏi các nước Đông Âu, rồi Liên Xô tan rã, nước Nga không còn sức mạnh của Liên Xô trước đây và đã chuyển hướng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Những hoạt động được ghi nhận đầu tiên là những hỗ trợ để nước Nga nhanh chóng chuyển sang nền kinh tế thị trường bằng những khoản viện trợ rộng rãi và những hứa hẹn về mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư. Đây có thể là thời điểm ngọt ngào nhất của quan hệ EU-Nga sau Chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, sự ngọt ngào này không mấy kéo dài khi những mong đợi của Nga vào phương Tây không đạt được, nền kinh tế bùng nhùng trong tình trạng bi đát và những thông tin về kế hoạch mở rộng NATO và EU về phía Đông ngày càng trở thành hiện thực. Quan hệ EU-Nga

có nguy cơ chuyển theo chiều hướng xấu, khi NATO bắt đầu tìm kiếm khả năng có mặt của mình ở vùng Cápcadơ và can thiệp mạnh vào cuộc nội chiến ở Nam Tư cũ để giành quyền chi phối ở vùng mà Nga có ảnh hưởng truyền thống. Phản ứng trước những diễn biến này, tháng 9/1995 Nga đã thành lập Tập đoàn quân Bắc Cápcadơ bất chấp sự phản đối của EU về việc Nga vi phạm "Hiệp ước lực lượng vũ trang thông thường ở châu Âu" do Liên xô ký kết trước đây. Và trong cuộc chiến ở Nam Tư cũ ngoài việc phản đối mạnh mẽ sự can thiệp của NATO vào khu vực này không được phép của Liên Hiệp Quốc, quân đội Nga còn đã nhảy dù xuống khu vực này để chứng tỏ khả năng quân sự của mình.

Tuy nhiên, quan hệ đã không đảo ngược. Sau những sự kiện có tính đối đầu trên, EU và Nga lại đã thảo luận và ký kết Hiệp định quan hệ hợp tác và đối tác EU - Nga. Tháng 12/1997, Hiệp định này đã có hiệu lực. Hiệp định này quy định hai bên duy trì đối thoại chính trị, phạm vi thảo luận liên quan đến xung đột khu vực, khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức, hợp tác khu vực. Tháng 6/1999, EU thông qua chiến lược tập thể, tuyên bố muốn cùng Nga thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, nêu rõ phía EU rất quan tâm nghiên cứu kỹ khả năng hợp tác với Nga trong những lĩnh vực nước này có ưu thế như khoa học, không gian vũ trụ, năng lượng... Mùa thu năm 1999, Nga cũng đưa ra chiến lược phát triển quan hệ với EU, cho rằng Nga - EU có thể nâng cao hơn quan hệ hợp tác quân sự để đảm bảo an ninh và phòng thủ chung châu Âu. Dù đã có những động thái ấm áp hơn trong quan hệ này, song EU vẫn không ủng hộ hành động quân sự của Nga ở

Chechnya. EU đã nhiều lần ra tuyên bố phê phán, nhưng đồng thời cũng tránh dồn Nga vào ngõ cụt để khỏi phủ một bóng đen lên tương lai quan hệ EU-Nga.⁽⁴⁾

Sau sự kiện 11/9, Nga sau khi cải thiện quan hệ với Mỹ, đồng thời cũng cải thiện quan hệ với NATO và phát triển hơn nữa quan hệ với EU. Ủy ban NATO-Nga mới thành lập đã đánh dấu bước chuyển quan hệ hai bên từ "cơ chế 19+1" không bình đẳng sang "cơ chế 20" tương đối bình đẳng. Những vấn đề Ủy ban này bước đầu xem xét là chống khủng bố, ngăn chặn phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt, kiểm soát vũ trang, tìm kiếm và cứu nạn trên biển, hợp tác quân đội giữa các nước thành viên, cải cách quân sự, đối phó với các sự kiện khẩn cấp phi chính phủ. Các nước châu Âu hoan nghênh Nga cải thiện quan hệ với phương Tây. Tổng thống Chirac nói "Hiệp định mới giữa NATO - Nga đã loại trừ di sản cuối cùng của Chiến tranh lạnh". Nhân tố Nga tiếp tục được xem là đối tượng giảm cấp trong công việc phòng thủ và an ninh chung châu Âu.

Tuy nhiên cho tới nay, Nga vẫn chưa được gia nhập lực lượng phản ứng nhanh của EU, vì EU chưa chấp nhận yêu cầu này, tuy nhiên không loại trừ khả năng sau này Nga sẽ đưa quân tham gia hoạt động ngăn ngừa xung đột và quản lý khủng hoảng do EU lãnh đạo và phát huy vai trò tích cực của mình trong hoạt động này.

Như vậy, nếu so sánh mỗi quan hệ EU - Nga và quan hệ Mỹ - Nga thì rõ ràng mỗi quan hệ này tuy vẫn chưa ổn định và còn nhiều điểm chưa thống nhất, song nó có mức dao động ít hơn mỗi quan hệ Mỹ - Nga. Khả năng hợp tác về lâu dài dù ở mức độ nào đó giữa Nga và EU vẫn mở ra nhiều hơn trong một vài thập kỷ sắp tới so với mỗi quan hệ Mỹ - Nga.

Quan hệ Nhật - Nga vốn có vương mắc trong lịch sử, đối đầu trong thời Liên Xô do nhiều vấn đề, song chủ yếu là tranh chấp lãnh thổ. Từ sau Chiến tranh lạnh quan hệ đã được cải thiện, song tiến triển ngập ngừng.

Điểm khởi đầu cho cải thiện quan hệ là chuyến viếng thăm Nhật của Tổng Bí thư Liên Xô cuối giai đoạn Chiến tranh lạnh là Gorbachev. Hai bên đã ra được tuyên bố chung loại bỏ tình trạng chiến tranh, tình trạng thù địch giữa hai quốc gia và dự định sẽ ký thêm một hiệp định đặc biệt về hoà bình.

Khi Liên Xô tan rã, "mối đe dọa về sự bành trướng của Liên Xô" theo như cách hiểu của người Nhật và phương Tây cũng không còn. Nhật Bản hy vọng những cải cách dân chủ ở Nga có thể sẽ giúp giải quyết vấn đề lãnh thổ được thuận lợi hơn. Ngày 27/1/1992, Chính phủ Nhật đã cử Bộ trưởng Ngoại giao Watanabe đi thăm Nga và đưa ra ý tưởng mới là nếu Nga đồng ý công nhận chủ quyền "tiềm năng" của Nhật Bản đối với bốn hòn đảo phía Bắc Nhật Bản, phía Nhật Bản sẽ có giải pháp linh hoạt về thời hạn trao trả bốn hòn đảo đó. Nhật Bản đã rất trông đợi vào kết quả từ đề nghị này vào chuyến thăm Nhật Bản của Tổng thống Nga Eltsin dự định vào tháng 9/1992. Tuy nhiên, vấn đề lãnh thổ là một vấn đề phức tạp. Nhật Bản lại luôn gắn chính trị với kinh tế, không mở rộng quy mô hợp tác kinh tế với Nga khi chưa giải quyết được vấn đề lãnh thổ. Chính vì vậy tình hình đã không diễn ra như mong muốn. Vào cuối tháng 4/1992, Bộ Ngoại giao Nga đã ra tuyên bố rằng "chủ quyền tiềm năng" của Nhật là không thể chấp nhận được. Sau đó phía Nga đưa ra tuyên bố hoãn chuyến viếng thăm của Tổng thống Nga Eltsin.

Mỗi quan hệ Nga-Nhật ít tháng sau lại thoát được bế tắc nhờ tác động từ phía Mỹ. Tổng thống Mỹ B. Clinton mới lên nắm quyền rất tích cực ủng hộ cải cách Nga theo con đường tư bản, và ủng hộ mạnh cải cách quan hệ Nga-Nhật. Với tác động này tại cuộc họp của nhóm G7 ở Tokyo, Chính phủ Nhật đã tuyên bố giúp Nga 4 tỷ USD.

Nhận thấy sự điều chỉnh quan điểm về quan hệ có tính mềm dẻo như vậy, tháng 10/1993, Tổng thống Nga Eltsin đã sang thăm Nhật và Tuyên bố Tokyo đã ra đời. Hai bên đã nhất trí cần giải quyết các vấn đề lãnh thổ trên cơ sở các văn bản đã thoả thuận để tạo điều kiện tiến tới ký Hiệp ước hoà bình. Cũng trong chuyến thăm này, một loạt hiệp định đã được ký kết. Đó là Hiệp định về triển vọng quan hệ kinh tế - buôn bán và khoa học - kỹ thuật; Hiệp định về hợp tác trong việc huỷ bỏ vũ khí hạt nhân của Nga; Hiệp định về hợp tác nghiên cứu và sử dụng vũ trụ vì mục đích hoà bình; Hiệp định về ngăn chặn các vụ đụng độ, rắc rối trên biển... Việc ký kết được nhiều hiệp định như vậy đã khiến cả hai bên lạc quan đến mức trong cuộc họp báo sau ký kết, Tổng thống Nga Eltsin đã khẳng định việc trao trả lại cho Nhật Bản các hòn đảo Shikotan và Habomai chỉ là vấn đề thời gian, còn đối với hai đảo còn lại Kunashir và Iturup thì sẽ tiếp tục thảo luận quy chế. Tuy vậy, quan hệ Nga-Nhật ở thời gian tiếp theo không có tiến triển rõ rệt. Những điều cả hai bên mong muốn đều được phía đối tác thực hiện cầm chừng.

Những cố gắng ngoại giao vẫn tiếp tục theo hướng hợp tác giải quyết vấn đề còn tồn đọng. Tháng 11 năm 1997, Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto và Tổng thống Nga Eltsin gặp nhau không chính thức ở Krasnoiaxco. Hai

bên đã thoả thuận ký kết Hiệp ước hoà bình vào năm 2000, tìm phương án giải quyết vấn đề lãnh thổ và hợp tác kinh tế.

Đi cùng với quá trình cải thiện và tăng cường quan hệ trong lĩnh vực chính trị và ngoại giao, quan hệ kinh tế thương mại Nga-Nhật cũng có những bước phát triển. Ngay từ tháng 12/1990 khi phương Tây tăng cường viện trợ để ủng hộ sự nghiệp cải tổ của Liên Xô, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định cấp cho Liên Xô khoản tín dụng 100 triệu USD với lãi suất thấp dưới hình thức viện trợ cấp bách thực phẩm và thuốc men. Tuy nhiên do vấn đề kỹ thuật, tới tháng 5/1993, khoản viện trợ này mới được triển khai với chủ thể mới là Nga. Hoạt động đầu tiên trong chương trình viện trợ cấp bách là việc ký hợp đồng giữa công ty Tomen của Nhật Bản với công ty nhà nước Nga vào tháng 5/1993 về việc cấp cho Nga lô hàng thuốc thú y trị giá 900 triệu Yên (khoảng 8,2 triệu USD). Cuối năm này thuốc men mới được chuyển vào Nga. Tiếp theo là một số hoạt động viện trợ nữa. Thương mại giữa hai nước cũng có những bước song hành với chính trị. Tháng 10/1994, tại Tokyo hai bên đã ký kết thành lập Uỷ ban liên chính phủ về các vấn đề kinh tế - thương mại. Uỷ ban này có mục tiêu phối hợp hoạt động để thúc đẩy cải cách kinh tế ở Nga, tăng cường đầu tư tư nhân của Nhật Bản, củng cố quan hệ kinh tế giữa Nhật Bản và vùng viễn đông của Nga. Vào tháng 3 năm 1996 đã diễn ra phiên họp đầu tiên của Ban. Nhờ những bước đi cụ thể này, quan hệ kinh tế ở nhiều lĩnh vực đã được thúc đẩy hơn. Vào đầu những năm 1990, khối lượng trao đổi buôn bán giữa hai nước trung bình mới đạt khoảng gần 3 tỷ USD. Từ nửa sau của thập kỷ 1990,

số lượng đã tăng lên. Vào năm 1995, khối lượng buôn bán giữa đôi bên đã đạt tới 5,9 tỷ USD. Trong lĩnh vực quan hệ kinh tế, đầu tư của Nhật vào Nga là chậm hơn cả. Tổng đầu tư của Nhật vào Nga thua xa số đầu tư của Mỹ và Tây Âu.

Như vậy có thể nói, quan hệ Nhật-Nga sau Chiến tranh lạnh đã gần như liên tục được cải thiện. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn chưa phát triển ổn định và còn cầm chừng. Vấn đề lãnh thổ giữa hai bên đã không được giải quyết như Nhật kỳ vọng sẽ làm cho mối quan hệ này vẫn tiềm ẩn nhân tố gây bất ổn định.

3. Xu hướng hợp tác được duy trì song vẫn thất thường, cạnh tranh sẽ mạnh dần

Từ những khảo cứu trên, có thể thấy rằng mối quan hệ giữa các trung tâm tư bản phát triển và Nga chịu sự chi phối của rất nhiều nhân tố, cả những nhân tố thúc đẩy lẫn nhân tố kìm hãm và nhân tố dễ gây bất ổn định. Có những nhân tố tồn tại lâu dài mang tính lịch sử, có nhân tố lại mới xuất hiện song cũng có vai trò mạnh mẽ tác động tới quan hệ giữa hai bên. Trong giai đoạn tới, mối quan hệ này vẫn duy trì theo hướng hợp tác, song còn thất thường và cạnh tranh mạnh lên. Xu hướng này định hình bởi những nhân tố sau:

a) Những nhân tố duy trì hợp tác

Thứ nhất, những cản trở cho dòng chảy tư bản vào Nga tiếp tục được dỡ bỏ.

Như chúng ta đã biết, quan hệ quốc tế trong mấy trăm năm trở lại đây đều là hệ quả của phát triển tư bản trong mỗi quốc gia. Sự bành trướng của tư bản tới đâu không gặp sự cản trở, tại đó xuất hiện sự hợp tác, còn

trong trường hợp ngược lại, sẽ xuất hiện xung đột. Điều này đã xảy ra nhiều trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Vào thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường ở một số quốc gia đi đầu như Anh, Pháp, Hà Lan đã làm tăng nhanh chóng nhu cầu về nguyên nhiên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, nhu cầu này không dễ thực hiện bởi thế giới còn bao gồm một tập hợp các quốc gia phong kiến, thậm chí tiên phong kiến với các thể chế đóng cửa. Để đạt được mục tiêu của mình, giai cấp tư sản của các nước này đã sử dụng chính quyền quốc gia làm công cụ xâm lược, phá bỏ những thể chế vốn có của các nước này, biến họ thành thuộc địa, chiếm nguồn tài nguyên và thị trường phục vụ cho sự phát triển của mình. Thị trường thế giới lại định hình với những rào cản mới do các nước thắng trận đặt ra.

Thế giới là có hạn. Các nước phát triển sau như Đức, Nhật, Ý đã không còn mảnh đất trống nào để xâm chiếm nhằm giành nguồn tài nguyên rẻ cho mình trong cuộc cạnh tranh phát triển. Chủ nghĩa tư bản nhà nước, quân phiệt đã phát triển nhanh chóng tại các quốc gia này. Và giai cấp tư sản cũng dùng bộ máy chính quyền với tiềm năng kinh tế của chủ nghĩa tư bản nhà nước tiến hành các cuộc chiến tranh chia lại thuộc địa. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra theo sự chi phối này. Quan hệ quốc tế lại rơi vào xung đột và khủng hoảng.

Nước Mỹ phát triển sớm song không tham gia vào các cuộc chiến tranh phân chia thuộc địa ngay từ đầu, bởi lẽ thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản dựa chủ yếu trên nguyên liệu thì nước Mỹ đã có đầy đủ những

điều kiện này vì đất nước rộng lớn, nhiều tài nguyên lại có thể khai thác một cách thuận lợi hơn so với các nước tư bản khác ở châu Âu cả một vùng Tây bán cầu. Tuy nhiên, nước Mỹ cũng không thể vận động ngoài quy luật của chủ nghĩa tư bản là càng phát triển thì càng cần thị trường và việc bành trướng ra bên ngoài là một con đường tất yếu.

Tuy nhiên, từ khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, do hoàn cảnh thế giới đã có nhiều thay đổi, nước Mỹ đã tìm cách khác để đạt cho được những mục tiêu bành trướng của mình. Việc giành giật thị trường mà Mỹ tiến hành không thực hiện chủ yếu bằng bạo lực mà bằng con đường mở rộng quan hệ kinh tế, tạo ra thị trường chung và tác động dõ dặt thể chế kinh tế chính trị đang cản trở sự vận động của tư bản. Nhiều người đã xác định được rằng đây là thời kỳ của chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Tổ chức thương mại thế giới ra đời, theo tác giả bài báo "Nước Mỹ - đế chế kinh tế" đăng trên tuần báo "Thời đại" của CHLB Đức, "suy cho cùng là một phát minh của người Mỹ", hay nói cách khác chính là con đẻ của Mỹ theo phương thức giành giật này. Phương pháp phổ biến là như vậy, song nước Mỹ cũng không loại trừ phương pháp truyền thống mà Anh, Đức... đã sử dụng trước đây. Cuộc chiến tranh Iraq hiện nay là một ví dụ điển hình cho cách giải quyết này. Như vậy, nhân tố tư bản và nhu cầu vận động của nó vẫn là nhân tố chi phối quan hệ quốc tế. Thể chế tiếp nhận sự vận động của tư bản ở một nơi nào đó chính là yếu tố quyết định hợp tác hay xung đột của nơi đó với thế giới tư bản.

Nếu xét về điều kiện hiện nay của nước Nga, khi nước Nga đã cải cách

những thể chế và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, thì yếu tố đầu tiên tạo cơ sở quan trọng cho phát triển và duy trì quan hệ là nước Nga ngày nay hoàn toàn không còn là một nơi từ chối sự vận động của tư bản. Nói cách khác, sự mở rộng tư bản Phương Tây tại thị trường Nga và những vùng ảnh hưởng truyền thống của Nga về căn bản không bị cản trở. Ngược lại, việc mở rộng hoạt động của tư bản Nga ra nước ngoài, kể cả vào các trung tâm tư bản phát triển cũng có cơ hội tương tự. Đây chính là điều kiện quan trọng nhất đảm bảo cho mối quan hệ này tiếp tục phát triển trong tương lai.

Thứ hai, nhu cầu tìm kiếm nguồn lực bổ sung cho công cuộc chấn hưng kinh tế từ phía Nga sẽ còn tiếp tục. Việc tại sao nước Nga có nhu cầu như vậy đã được chúng tôi giải thích. Điều mà chúng tôi muốn nói thêm ở đây là nhu cầu này còn tiếp tục kéo dài ít nhất trong vài thập kỷ tới, bởi thực lực hiện nay của kinh tế Nga thua xa các nền kinh tế của ba trung tâm tư bản kể cả về quy mô và trình độ kỹ thuật ở nhiều lĩnh vực. Một khi thế và lực đã yếu đi nhiều, lại phải tìm kiếm sự ủng hộ từ phương Tây, mọi tham vọng đều phải kiềm chế, nên cặp đối tác chênh lệch như vậy thường không dẫn đến những đụng độ lớn.

Thứ ba, những tính toán chủ quan của các trung tâm tư bản phát triển. Trong số những yếu tố chủ quan này, yếu tố chính sách toàn cầu của Mỹ đóng vai trò quan trọng. Tham vọng lãnh đạo thế giới trên cơ sở tiềm năng vượt trội của mình luôn làm cho các chính sách của Mỹ mang tinh thần kiềm chế các đối thủ có thể nổi lên cạnh tranh quyền lãnh đạo thế giới với Mỹ. Tham vọng này không chỉ đã có từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

mà còn tồn tại ít ra là mấy thập kỷ nữa. Nếu như sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ thấy đó là Liên Xô, thì nay có thể là Trung Quốc hay một vài liên minh nào đó có thể nổi lên như EU hay Tổ chức Hợp tác Thượng Hải chẳng hạn. Trong con mắt của Mỹ, nước Nga trong nhiều thập kỷ sắp tới không thể tiến tới khả năng này. Tuy nhiên, việc Nga liên minh chặt hơn với Trung Quốc hay với Tây Âu cũng rất dễ xảy ra. Vì vậy việc lôi kéo Nga, hợp tác với Nga để ngăn chặn khả năng liên minh của Nga với các quốc gia lớn khác chắc chắn vẫn là lựa chọn lâu dài của Mỹ. Tính toán này không những góp phần duy trì quan hệ hợp tác của Nga với Mỹ một cách lâu dài cho dù có lúc không suôn sẻ, mà còn thúc đẩy sự hợp tác của phương Tây và Nhật Bản với Nga.

Trong tương lai, nhóm nhân tố tác động thuận chủ yếu này sẽ duy trì, định hướng và đóng vai trò quyết định mở rộng mối quan hệ này.

b) Những nhân tố không thuận

Ngoài những nhân tố thuận cho quan hệ giữa Nga và ba trung tâm tư bản, ở đây còn có không ít yếu tố cản đường vẫn còn tồn tại lâu dài và không kém phần mạnh mẽ.

Thứ nhất, nước Nga tư bản sớm muộn cũng phục hưng, cho dù sức mạnh không được như Liên Xô trước đây, song nhu cầu về thị trường mang tính quy luật sẽ buộc Nga phải tìm lại vùng ảnh hưởng. Nhu cầu này đang ngày một đối đầu với những hoạt động mở rộng ảnh hưởng của phương Tây và Nhật Bản trên thực tế.

Thứ hai, tâm lý nước lớn của Nga cộng với tâm lý không chấp nhận mất mát những vùng ảnh hưởng truyền

thống của Nga luôn làm cho những người có tư tưởng dân tộc ở Nga không chấp nhận thế giới một cực, không chịu chấp nhận những nhượng bộ khi họ thấy nước Nga chưa đến thế phải nhượng bộ.

Thứ ba, giữa Nga và các nước tư bản phát triển hiện còn nhiều bất đồng cụ thể. Tất cả những bất đồng này chưa có dấu hiệu nào là có thể giải quyết một sớm một chiều.

Với sự tác động của những nhân tố không thuận này, mối quan hệ Nga và ba trung tâm tư bản không khỏi có những thất thường, thậm chí không ổn định ở những thời điểm nào đó. Tuy nhiên, những nhân tố tác động không thuận này không thể có sức mạnh như những nhân tố tác động thuận.

Từ sự tác động của những nhân tố trên, có thể tổng đoán, quan hệ giữa các trung tâm tư bản phát triển và Nga sẽ tiếp tục được mở rộng theo hướng hợp tác. Tuy nhiên, hướng hợp tác này không diễn ra một cách ổn định và sự cạnh tranh sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn ■

Tài liệu tham khảo:

1. Một chủ nghĩa tư bản mới hay những diện mạo mới của chủ nghĩa tư bản, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội 2002.
2. Randall B. Ripley & James M. Lindsay (Chủ biên), Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh lạnh, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2002.
3. Khủng bố, tương lai và chính sách đối ngoại của Mỹ, Báo cáo của cơ quan nghiên cứu phục vụ Quốc hội Mỹ (CRS), TTXVN, tháng 8/2002.
4. Từ Kiên, Năm xu thế điều chỉnh quan hệ quốc tế hiện nay, tạp chí "Nghiên cứu những vấn đề quốc tế", số 6/2002.
5. Công nghiệp quốc phòng của Nga, TTXVN từ Matxcơva, 10/12/2002.
6. Nga: Đường lối đối ngoại thời Tổng thống V. Putin, Thông tấn xã Việt Nam, tài liệu tham khảo, số 6/2003.
7. Một thế giới mới, Defense Nationle, số 5/2003.
8. Nước Nga trong các mối quan hệ quốc tế sau khi bùng nổ cuộc chiến tranh Iraq, Trang tin điện tử, "Strana.ru", Nga, Quý 2/2003.
9. "Từ đồng minh đến đồng minh", Itoghi, Nga, số 18/2/2003.
10. Alexander Mikhailov, "Chiến tranh Iraq, nguyên nhân rạn nứt địa - chính trị sâu sắc nhất từ sau 1945", Tuần báo Itoghi, Nga, số 14/2003.
11. Mỹ, Nga giành giật khu vực ngoại Capcadơ, Tạp chí "Nghiên cứu các vấn đề quốc tế", 7/8/2000.
12. Các công ty Nga không có hy vọng tại Iraq thời hậu chiến, Reuters, Matxcơva, TTXVN, 5/4/2003.
13. "Quan hệ nước lớn: Liên kết và phân hoá", tạp chí "Liều vọng", số 37/2002.
14. Gleun D. Hook; Julie Gilson; Christopher W. Hughes and Hugo Dobson, Japan's International Relation, First published 2001 by Routledge. NY. USA and Canada.
15. Chu Hoàng và một số tác giả Trung Quốc, Mở rộng về phía Đông: EU bành trướng sức mạnh, TTXVN (tại Bắc Kinh), 17/5/2004.

Chú thích:

- (1) Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh lạnh. NXB Chính trị Quốc gia, năm 2002, tr.332
- (2) Nước Nga trong các mối quan hệ quốc tế sau khi bùng nổ cuộc chiến Iraq, TTXVN, 4/4/2003
- (3) Công nghiệp quốc phòng Nga, TTXVN, Matxcơva, 10/12/2002
- (4) GS. TS. Lý Hưng, "Nhân tố Nga trong chính sách phòng thủ và an ninh chung EU". Tạp chí "Quan hệ quốc tế hiện đại" Trung Quốc, số 9/2002).